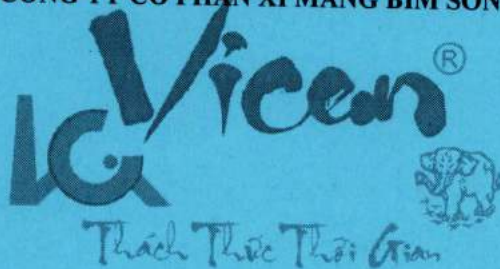


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



Bỉm sơn, tháng 04 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN**  
**Năm 2017**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800232620
- Vốn điều lệ: 1.100.100.540.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.100.100.540.000 đồng
- Địa chỉ: Phường Ba Đình - Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại: (0237) 3.824.242
- Số fax: (0237) 3.824.046
- Website: <http://ximangbimson.com.vn>
- Mã cổ phiếu: BCC

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Từ năm 1968 đến năm 1974 công trình xi măng Bỉm Sơn bắt đầu khảo sát, thăm dò địa chất và chính thức khởi công. Sau quá trình xây dựng nhà máy từ năm 1975 đến năm 1980 Chính phủ đã ra Quyết định số 334/BXD-TCCB ngày 04/03/1980 thành lập Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

Nhà máy xi măng Bỉm Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn sản phẩm/năm với trang thiết bị kỹ thuật công nghệ hiện đại của Liên Xô (cũ). Được trang bị hai dây chuyền với công nghệ theo phương pháp ướt, mỗi dây chuyền có công suất 0,6 triệu tấn/năm.

Ngày 22/12/1981, sau 2 năm thi công, dây chuyền số 1 của nhà máy chính thức đi vào hoạt động, và những bao xi măng đầu tiên mác P400 nhãn hiệu “Con voi” đã chính thức xuất xưởng.

Ngày 6/11/1983, dây chuyền số 2 được hoàn thành và bắt đầu đi vào hoạt động. Từ năm 1982 đến 1985, các đơn vị tiếp tục xây lắp và hoàn chỉnh nhà máy.

Ngày 12/8/1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 366/BXD-TCLĐ hợp nhất Công ty kinh doanh Vật tư số 4 và Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, đổi tên thành Công ty xi măng Bỉm Sơn, là công ty nhà nước trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Tháng 3/1994, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Dự án đầu tư cải tạo hiện đại hoá dây chuyền số 2 Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, chuyển đổi công nghệ ướt sang công nghệ khô hiện đại. Dự án được khởi công ngày 13/01/2001 do hãng IHI Nhật Bản trúng thầu nâng công suất lò nung số 2 từ 1.750 tấn Clinker/ngày lên 3.500 tấn Clinker/ngày.

Ngày 23/03/2006 Bộ Xây dựng ra Quyết định số 486/QĐ-BXD chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty xi măng Bim Sơn thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam thành Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn.

Ngày 01/05/2006, Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 900 tỷ đồng; trong đó: vốn nhà nước chiếm 89,58% tương đương 806,223 tỷ đồng.

Ngày 20/09/2006, Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn bán đấu giá lần 2, tỷ lệ phần vốn nhà nước nắm giữ còn 74,04%, các cổ đông khác 25,96%.

Ngày 24/11/2006 Công ty đã chính thức được cấp giấy Niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm GDCK Hà Nội do UBCKNN cấp.

Ngày 01/03/2007, Công ty chuyển đổi mô hình tiêu thụ từ hình thức Đại lý hưởng hoa hồng sang hình thức Đại lý bao tiêu (Nhà phân phối chính); đồng thời chuyển chức năng nhiệm vụ của các Chi nhánh tại các tỉnh trước đây thành Văn phòng đại diện tại các tỉnh.

Ngày 07/11/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn, số lượng cổ phiếu chào bán là: 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

Ngày phát hành (ngày chào bán cổ phiếu): ngày 7/12/2007;

Ngày kết thúc chào bán: ngày 31/12/2007;

Thời hạn đăng ký mua: từ ngày 7/12/2007 đến hết ngày 31/12/2007;

Kết quả chào bán cổ phiếu như sau:

- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu đã lưu ký : 4.445.897 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: 6.795 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên trong Công ty: 1.215.500 cổ phiếu;
- Bán đấu giá: bằng không (vì lý do số lượng nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá

không đủ số lượng theo quy định nên cuộc đấu giá bị hủy);

Ngày 31/12/2007, kết quả tiền thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty là: 113.227.940.000 đồng (theo giá bán ưu đãi là 20.000 đồng/cổ phiếu) tương đương với số cổ phiếu tăng lên là 5.661.397 cổ phiếu;

Sau khi báo cáo kết quả phát hành chào bán cổ phiếu, vốn điều lệ Công ty tăng từ 900 tỷ đồng lên 956,6 tỷ đồng;

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt chào bán:

Danh mục	ĐVT: 1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết (Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam)	699.720.620	73,146
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	256.893.350	26,854

Ngày 18/10/2016, Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015, vốn điều lệ công ty tăng từ 956,6 tỷ đồng lên 1.100,1 tỷ đồng.

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt phát hành:

Danh mục	ĐVT: 1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết (Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam))	804.678.710	73,146
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	295.421.830	26,854

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

*\* Ngành nghề kinh doanh:*

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu xi măng, clinker.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng; Sản xuất bê tông thương phẩm và các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Sửa chữa, trung tu, đại tu các loại ô tô, máy xúc, máy ủi, xe cẩu.
- Tư vấn đầu tư xây dựng, lập dự án, quản lý dự án.
- Gia công chế tạo các mặt hàng cơ khí, khai thác chế biến khoáng sản sản xuất xi măng, kinh doanh các loại phụ gia xi măng.
- Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, kinh doanh bất động sản.

*\* Địa bàn kinh doanh:*

Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên những thị trường chủ yếu là Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định, Tây nguyên.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

*\* Mô hình quản trị:*

- Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị (bao gồm các Ủy ban chức năng); Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc và các Trưởng phòng khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua trưởng phụ trách khối.

- Nhìn chung, mô hình quản trị mới đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, Hội đồng quản trị đã thành lập các Ủy ban, Hội đồng chức năng giúp việc để có thể thực hiện công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư.

*\* Cơ cấu bộ máy quản lý:*

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và 01 Kế toán trưởng; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã thông qua.

Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 08 Phòng ban
- 06 Phân xưởng
- 01 Ban quản lý dự án
- 01 Xí nghiệp tiêu thụ
- 01 Chi nhánh Quảng Trị
- 01 Ban kiểm toán nội bộ
- 01 Khối Đảng Đoàn thể

*\* Các công ty con:*

- a. Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng Miền Trung  
Tên công ty viết tắt: CRC,JSC.
- b. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tân Hy, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- c. Ngành, nghề kinh doanh chính:  
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.  
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- d. Vốn điều lệ: 129.600.000.000 đồng, tương ứng 12.960.000 cổ phần.  
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại CRC là 9.953.280 cổ phần tương ứng 76,8%.

## 5. Định hướng phát triển

### Môi trường kinh doanh 2018

#### \* Kinh tế thế giới và trong nước:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,5 – 6,7%; CPI bình quân năm 2018 khoảng 4%; Vốn đầu tư toàn xã hội ước tính 1.780 ngàn tỷ đồng, tăng khoảng 7,1 % so với năm 2017, chiếm khoảng 33 – 34% GDP; Giải ngân vốn FDI năm 2018 khoảng 13 - 14 tỷ USD; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 7- 8% so với năm 2017.

#### \* Xu hướng ngành xi măng

Tổng cung cả nước năm 2018 khoảng 98,56 triệu tấn. Trong khi đó nhu cầu xi măng khoảng 83 – 85 triệu tấn, (trong nước 66 – 67 triệu tấn), tăng 4 – 6% so với năm 2017. Dự báo nhu cầu xuất khẩu 17 – 18 triệu tấn.

Năm 2018, khu vực từ Thanh Hóa vào Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục cuộc đua khốc liệt về tranh giành thị phần, giá tiêu thụ xi măng giữa các nhà sản xuất.

Mặt khác việc xuất khẩu xi măng của các doanh nghiệp trong nước đang gặp rất nhiều khó khăn do sự cạnh tranh mạnh mẽ về giá.

Từ những thách thức nêu trên để phát triển một cách bền vững Công ty đặt ra các mục tiêu phân đầu và thực hiện trong năm 2018 ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

#### a, Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

##### \* Mục tiêu về sản xuất:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
<b>Sản xuất Clinker</b>	<b>Tấn</b>	<b>2.980.000</b>
Lò 2	”	1.195.000
Lò 3	”	1.785.000

Ngoài việc xây dựng kế hoạch và tập trung nguồn lực nhằm từng bước khắc phục những tồn tại trong năm 2017, cần thực hiện một số hành động sau:

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực hiện nhằm cải thiện chất lượng clinker và giảm tiêu hao than, giảm giá thành sản xuất.

- Khẩn trương triển khai các thủ tục liên quan trong việc cải tại hệ thống cooler 2, Hệ thống phân tích khí 2 lò nung; Hệ thống DCS dây chuyền 2 nhằm nâng cao năng suất thiết bị và ổn định chất lượng sản phẩm.

- Kiểm soát chất lượng sửa chữa, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, giao các chỉ số OEE từng công đoạn cho các đơn vị kiểm soát

##### \* Mục tiêu về tiêu thụ:

Sản lượng tiêu thụ:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
<b>Tổng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>4.000.000</b>
Xi măng	”	3.300.000
Clinker bán	”	700.000

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc và gia tăng lợi ích cho khách hàng. Đánh giá quá trình sắp xếp lại hệ thống NPP, phân chia địa bàn. Phát huy thế mạnh của thương hiệu con Voi, linh hoạt trong chính sách tiêu thụ, phối hợp tốt với các thành viên Vicem để đảm bảo lợi nhuận và mở rộng thị trường.

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, giảm mức tồn kho.

- Tiếp tục phát triển thị trường xi măng rời, các công trình, trạm trộn trên các địa bàn.

\* Mục tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
Doanh thu	Triệu đồng	3.405.967
Lợi nhuận	”	118.104
Nộp NSNN	”	129.979
EBITDA	”	424.895

- Xây dựng kế hoạch tài chính cho các dự án, trả nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị.

- Nâng cao quản lý công nợ, công tác tài chính nhằm giảm thiểu các rủi ro.

- Giảm vốn vay lưu động.

\* Mục tiêu đầu tư:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiền xi măng đến đóng bao.

- Dự án Tận dụng nhiệt thừa để phát điện: Báo cáo nghiên cứu khả thi, hiệu quả thực hiện dự án và triển khai thực hiện.

\* Mục tiêu tổ chức và nguồn nhân lực:

- Hoàn thành mô hình cơ cấu tổ chức ổn định việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt xem xét, đánh giá hiệu quả hoạt động theo mô hình sửa chữa tập trung.

- Sắp xếp cán bộ, người lao động, bổ sung quy chế, quy định, quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu hiện nay.

\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược thị trường:

+ Đảm bảo lợi nhuận cho khách hàng, gia tăng giá trị tới khách hàng bằng các dịch vụ vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh.

+ Lập phương án Logistic, các phương án để điều phối có hiệu quả nhằm đảm bảo nguồn cung liên tục, đầy đủ cho khách hàng, đồng thời giảm chi phí vận tải.

+ Tăng cường thu thập thông tin thị trường, rà soát lại các chính sách các phương án marketing cho từng phân khúc khách hàng để điều chỉnh việc giao sản lượng và động viên các NPP, hệ thống bán hàng thực hiện mục tiêu.

+ Sắp xếp hệ thống phân phối (NPPC, CHVLXD). Tiếp tục rà soát và giao các chỉ tiêu theo mô hình BSC (từ mục tiêu sản lượng, thị phần, năng lực vận tải, năng lực quản lý, năng lực tài chính) cho hệ thống phân phối cụ thể và chặt chẽ hơn trên cơ sở có thưởng, phạt cụ thể, tạo niềm tin cho hệ thống phân phối.

+ Rà soát thị trường, mở rộng độ phủ tới các vùng có thị phần thấp tại các địa bàn cốt lõi.

+ Kiểm soát chặt chẽ thị trường tiêu thụ, kiện toàn và kiểm soát hệ thống phân phối, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên thị trường.

+ Triển khai nghiên cứu, đánh giá chất lượng để sản xuất xi măng cho bê tông thương phẩm phù hợp với các công trình dân dụng, công nghiệp.

+ Tăng cường phối hợp để đẩy mạnh xuất khẩu xi măng cùng với Vicem.

+ Tiếp tục củng cố và xây dựng hệ thống, đội ngũ marketing, thương vụ, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khách hàng...

+ Ứng dụng có hiệu quả nguồn lực công nghệ thông tin trong bán hàng và quản lý khách hàng POS/CRM.

- Tối ưu hóa trong hoạt động sản xuất:

+ Kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào và chất lượng, nguồn gốc phụ gia tại các Trạm nghiền.

+ Tối ưu hóa công đoạn khai thác và vận chuyển nguyên liệu.

+ Kiểm soát tiêu hao năng lượng, nâng cao công tác quản lý và tiết kiệm xăng dầu.

+ Tối ưu phối liệu, vận hành sản xuất clinker nâng cao mức nền.

+ Xây dựng quy trình kiểm soát thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa. Giao nhiệm vụ cụ thể và gắn trách nhiệm cho từng đơn vị.

+ Nâng cao khả năng phối hợp nội bộ giữa các đơn vị.

+ Chuẩn hóa các quy trình thí nghiệm, phối liệu, vận hành nhằm mục tiêu là sản xuất Clinker có độ hoạt tính cao, tối ưu hóa tiêu hao điện năng và nhiệt năng.

+ Thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa.

## **6. Các rủi ro:**



Đối với ngành xi măng: Tổng cung cả nước năm 2018 khoảng 98,56 triệu tấn. Trong khi đó nhu cầu xi măng khoảng 83 – 85 triệu tấn, (trong nước 66 – 67 triệu tấn), tăng 4 – 6% so với năm 2017. Dự báo nhu cầu xuất khẩu 17 – 18 triệu tấn.

Năm 2018, khu vực từ Thanh Hóa vào Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục cuộc đua khốc liệt về tranh giành thị phần, giá tiêu thụ xi măng giữa các nhà sản xuất.

Mặt khác việc xuất khẩu xi măng của các doanh nghiệp trong nước đang gặp rất nhiều khó khăn do sự cạnh tranh mạnh mẽ về giá.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### a, Tổng quan

- Nhu cầu tiêu thụ xi măng năm 2017 tăng trưởng thấp và không tăng như dự báo, đặc biệt nhu cầu xi măng thị trường dân dụng giảm.

- Nguồn cung xi măng tiếp tục tăng, đặc biệt là khu vực Miền Trung, áp lực tồn kho lớn. Tổng cung xi măng cả nước năm 2017 khoảng 90 triệu tấn, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ khoảng 80 triệu tấn (Xi măng tiêu thụ trong nước 62 triệu tấn và xuất khẩu là 18 triệu tấn), dư thừa trong nước 10 triệu tấn.

- Xuất khẩu xi măng sang Philippines giảm mạnh do bất ổn chính trị.

- Một số xi măng mới tham gia thị trường đưa ra nhiều chính sách hấp dẫn đã làm giảm mặt bằng giá xi măng trên thị trường (đặc biệt phân khúc xi măng rời).

- Bắt đầu từ Quý 2/2017, Vicem thực hiện nhiều thay đổi trong chính sách thị trường khi nhu cầu không tăng.

- Xi măng Vicem bộc lộ những yếu điểm khi thị trường đối mặt với cạnh tranh khốc liệt ( Giá, cơ chế, chất lượng, hệ thống PP ....).

- Việc chuyển dịch nh cầu từ xi măng bao sang xi măng rời tăng nhanh. Yếu tố thương hiệu đang giảm dần. Trong khi các thương hiệu xi măng Vicem chủ yếu tập trung tại phân khúc này nên sản lượng ngày càng suy giảm.

(Nguồn: Tổng Công ty CNXM Việt Nam)

#### b, Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh

- Tình hình tiêu thụ:

Chỉ tiêu	TH Năm 2017	Mục tiêu Năm 2017	TH Năm 2016	So sánh TH 2017	
				So với mục tiêu	So với cùng kỳ
Xi măng	3.208.142	4.090.000	3.888.324	78%	83%

Clinker	860.624	600.000	596.406	143%	144%
<b>Tổng số</b>	<b>4.068.766</b>	<b>4.690.000</b>	<b>4.484.730</b>	<b>87%</b>	<b>91%</b>

Sản phẩm xi măng tiêu thụ chỉ đạt 78% kế hoạch đặt ra và giảm 17% so với cùng kỳ nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Nhu cầu tiêu thụ xi măng năm 2017 không tăng trưởng như dự đoán. Đặc biệt là khu vực miền Trung có nhu cầu xuống thấp hơn so với cùng kỳ 2016.

- Nguồn cung bị dư thừa ngày càng cao (sự ra đời của xi măng Long Sơn tại Bim Sơn; Vissai tại Nghệ An) đã tạo nên áp lực cạnh tranh rất lớn đối với thị trường khu vực này, mà đặc biệt là xi măng Bim Sơn.

- Tốc độ dịch chuyển rất nhanh từ xi măng bao cho đổ móng, mái sang sử dụng bê tông thương phẩm. Yếu tố thương hiệu giảm dần.

- Việc hợp nhất thương hiệu Vicem gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm.

- Cạnh tranh rất khốc liệt về giá bán; chênh lệch giá bán giữa xi măng Bim Sơn và xi măng giá rẻ lớn.

- Điểm xuất hàng Quảng Ngãi không hoạt động được do người dân ngăn cản đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của Công ty.

- Tình hình sản xuất:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Mục tiêu 2017	Thực hiện 2016	% So sánh với	
				Mục tiêu	Cùng kỳ
Clinker sản xuất	2.794.926	2.980.000	2.978.489	94%	94%
Lò 2	996.575	1.190.000	1.246.665	84%	80%
Lò 3	1.798.351	1.790.000	1.731.824	100%	104%
XM tại NM					
XM bột	2.533.941	2.765.000	3.016.227	92%	84%
XM bao	1.706.801	1.962.000	1.909.169	87%	89%
XM tại Q.Trị					
XM bột	231.398	250.000	214.157	93%	108%
XM bao	211.566	198.000	186.323	107%	114%

+ Tổng sản lượng clinker của hai lò giảm so với kế hoạch và cùng kỳ. Đặc biệt là lò 2 nguyên nhân chủ yếu do sự cố nóng gối đỡ con lăn lò 2; Ghi máy lạnh; Sự cố khớp nối răng bộ truyền động lò và nứt vành răng lò 3.

+ Sản lượng nghiền và đóng bao giảm do việc tiêu thụ sản phẩm giảm.

- Tình hình tài chính:

Chi tiêu	Thực hiện Năm 2017	Thực hiện Năm 2016	NQ ĐHĐCĐ 2017	So với cùng kỳ (%)	So với NQ (%)
1. Tổng doanh thu	3.475.367	4.282.383	4.233.569	81%	82%
2. Tổng chi phí	3.475.462	3.977.171	3.972.113	87%	87%
Giá vốn hàng bán	3.062.614	3.415.624	3.652.832	90%	84%
Chi phí bán hàng	168.443	264.155	86.493	64%	195%
Chi phí Quản lý	114.928	164.080	165.614	70%	69%
Chi phí Tài chính	129.477	133.312	67.175	97%	193%
3. Doanh thu HĐ TC	265	13.081		2%	
4. Lợi nhuận khác	8.659	4.748		182%	
5. Lợi nhuận SXKD	171	318.292	261.456	0%	0%
6. Tổng LN trước thuế	8.830	323.040	261.456	3%	3%
7. Tổng LN Sau thuế	4.978	258.337	209.165	2%	2%
8. Nộp ngân sách NN	180.995	185.769	142.030	97%	127%
9. Tổng Quỹ Lương	240.761	281.000	281.000	86%	86%

+ Năm 2017 lợi nhuận trước thuế đạt 8,830 tỷ đồng đạt 3% so với nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 và bằng 3% so với cùng kỳ năm trước.

Các chỉ tiêu cơ bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 nhìn chung không đạt được so với mục tiêu đề ra.

## **2. Tổ chức và nhân sự:**

### **2.1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức niêm yết:**

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông trong kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

- Tổ chức bộ máy quản lý của công ty bao gồm: Tổng giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và 01 Kế toán trưởng; là cơ quan tổ chức điều hành,

quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã thông qua.

*2.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:*

**a, Ông Bùi Hồng Minh**

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/10/1971

Quê quán: Hà Bình, Hà Trung, Thanh Hoá

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 1 2 2 6 9 7 9 6

Địa chỉ thường trú: BT5, 262 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Số điện thoại di động: 0913.289.503

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Đại diện phần vốn Nhà nước: 40.020.000 cp, chiếm 36,11%

**b, Ông Ngô Sỹ Túc**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/01/1959

Quê quán: Xã Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 5 9 7 8 3 0

Địa chỉ thường trú: Đường Chu Văn An, Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại di động: 0912.383.215

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Đại diện phần vốn Nhà nước: 13.450.000 cp, chiếm 16,7%

**c, Ông Vũ Văn Hoan**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/04/1958

Quê quán: Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam  
CMTND số: 1 7 1 8 9 1 3 1 6  
Địa chỉ thường trú: Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá  
Số điện thoại cơ quan: 037.3 767 155  
Trình độ văn hoá: 10/10  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ  
Đại diện phần vốn Nhà nước: 12.420.000 cp, chiếm 15,4%

**d, Ông Nguyễn Thế Lập**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn  
Trưởng Phòng Luật pháp & QHCD - VICEM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/12/1958

Quê quán: Thụy Phương - Từ Liêm - Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 1 2 5 0 0 3 6 4

Địa chỉ thường trú: SN 1A - Ngõ 176 - Phố Lê Trọng Tấn Thanh Xuân - Hà Nội

Số điện thoại di động:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác Mỏ lộ thiên - Cử nhân luật - Tốt nghiệp cao cấp  
lý luận chính trị QG Hồ Chí Minh

Đại diện phần vốn Nhà nước: 11.390.000 cp, chiếm 14,2%

**e, Ông Vũ Thế Hà**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn  
Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/6/1971

Quê quán: Xã Nga Thiện - Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 168281867 cấp ngày: 11/04/2006 tại: CA Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Số nhà 6, ngõ 211, Đường Trường Chinh, Phường Hai Bà Trưng,  
Thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Nhiệt

**f, Ông Nguyễn Hoàng Vân**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn - Xi nghiệp

tiêu thụ.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/11/1963

Quê quán: Xã Hoằng Quý - Huyện Hoằng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 171704076 cấp ngày: 26/05/2009 tại: CA Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: SN50 Đội Cung, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

**g, Ông Lê Huy Quân**

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1965

Quê quán: Xã Tân Ninh - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 171135837 cấp ngày: 05/07/2006 tại: CA Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Phường Ngọc Trạo - Thị Xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**h, Ông Trần Việt Thắng:**

Chức vụ hiện tại: Nguyên chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/02/1968

Quê quán: An Hoà, Biên Hoà, Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 2 2 6 1 7 9 8 5

Địa chỉ thường trú: Số nhà 62 Khu phố 2, P.Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Số điện thoại di động: 0903.907.570

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

**2.3. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát**

**a, Ông Nguyễn Ngọc Tuấn**

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/02/1975  
Quê quán: Xã Nga Hải - Huyện Nga Sơn – Thanh Hóa  
Quốc tịch: Việt Nam  
CMTND số: 168304888  
Địa chỉ thường trú: P.601 - 17T1- CC Hapulico Số 1, Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.  
Số điện thoại di động: 0985.878.668  
Trình độ văn hoá: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sỹ Kinh tế  
Đại diện phần vốn Nhà nước: 3.187.871 cp, chiếm 4%

**b, Ông Hà Văn Diên**

Chức vụ hiện tại: Phó phòng Kế toán Tài chính Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.  
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bỉm Sơn

Giới tính: Nam  
Sinh ngày: 02/12/1961  
Quê quán: Hoằng Trinh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa  
Quốc tịch: Việt Nam  
CMTND số: 1 7 1 4 9 4 1 6 3  
Địa chỉ thường trú: SN 176, Trần Phú, Phường Lam Sơn, TX.Bỉm Sơn, Thanh Hóa  
Số điện thoại cơ quan: 0237.3 824.880  
Trình độ văn hoá: 10/10  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính

**c, Ông Nguyễn Đức Sơn**

Chức vụ hiện tại: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty CP xi măng Bỉm Sơn  
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bỉm Sơn

Giới tính: Nam  
Sinh ngày: 23/03/1983  
Quê quán: Nga Hưng - Nga Sơn - Thanh Hóa  
Quốc tịch: Việt Nam  
CMTND số: 1 7 2 0 4 3 9 9 9  
Địa chỉ thường trú: SN 26, Đường Lê Lợi, Khu 2, Lam Sơn, TX.Bỉm Sơn, Thanh Hóa  
Số điện thoại di động: 0982596245  
Trình độ văn hoá: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính

**2.4. Thay đổi trong Ban điều hành:**

Ngày 23/8/2017, miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Trần Việt Thắng và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Bùi Hồng Minh.

Ngày 17/12/2017, bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàn Vân giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty.

#### *2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:*

##### *a, Tình hình lao động:*

Tổng số CBCNV của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017: 1.652 người.

##### *b, Chính sách đối với người lao động:*

- Các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành và thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao trình độ tay nghề của công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty tổ chức các lớp đào tạo mời các cơ quan chức năng, các trường đào tạo lên lớp, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ.

- Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như:

+ Hằng năm, người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động.

+ Hằng năm Công ty đều tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.

+ Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm xã hội cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt theo quy định.

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Thực hiện việc trích bồi dưỡng các chế độ ăn ca, chống nóng và tiền chè nước cho người lao động.

+ Tổ chức nghỉ điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động có sức khoẻ từ loại III trở lên hoặc mới ốm dậy.

#### **3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:***

- Giá trị khối lượng và giá trị thanh toán ĐTXD thấp (giá trị khối lượng thực hiện đạt 310,248 tỷ đồng tương ứng 64,8%, giá trị thanh toán đạt 374,827 tỷ đồng tương ứng 75,82%); rất nhiều công việc/gói thầu chưa được thực hiện do chưa có cơ sở tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu; đặc biệt là dự án chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiền xi măng đến đóng bao.

- Dự án tận dụng nhiệt thừa để phát điện đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục liên quan.

#### **4. *Tình hình tài chính:***

##### *a) Tình hình tài chính*



Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	4.611	4.709	2%
Doanh thu thuần	4.282	3.475	-19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	318,29	0,17	-99%
Lợi nhuận khác	4,75	8,66	82%
Lợi nhuận trước thuế	323,04	8,83	-97%
Lợi nhuận sau thuế	258,34	4,98	-98%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2016	2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,4	0,38	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,17	0,15	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,58	0,61	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,36	1,58	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	5,80	5,16	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,93	0,74	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,001	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,001	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,000	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 110.010.054 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 110.010.054 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

- Nhà nước: 80.467.871 cổ phần, chiếm 73,146%.

- Cá nhân và các tổ chức khác: 29.542.183 cổ phần, chiếm 26,854%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

## **6. Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội của Công ty**

### **6.1 Quản lý nguồn năng lượng**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

STT	Nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng
I	Sản lượng clinker sản xuất	Tấn	2.794.926
1	Đá vôi sử dụng	Tấn	3.441.946
2	Đất sét sử dụng	Tấn	674.994
3	Đất giàu silic	Tấn	89.781
4	Đất giàu sắt	Tấn	111.325
5	Nguyên liệu khác (xít than)	Tấn	43.060
6	Vật liệu chịu lửa		
	Gạch kiềm tính	Kg	818.225
	Gạch Alumin	Kg	948.261
	Bê tông chịu nhiệt	Kg	540.430
II	Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất xi măng	Tấn	2.524.145
1	Clinker sử dụng	Tấn	1.750.280
2	Thạch cao sử dụng	Tấn	100.885
3	Đá bazan sử dụng	Tấn	313.059
4	Xi nhiệt điện và khí hóa than	Tấn	22.331
5	Đá vôi sử dụng	Tấn	134.448
6	Đá sét sử dụng	Tấn	24.268
7	Xi lò cao sử dụng	Tấn	6.059
8	Đá vôi đen sử dụng	Tấn	142.498
9	Tro bay sử dụng	Tấn	37.748

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	<i>Nhiên liệu, năng lượng</i>	<i>kWh</i>	268.206.447	
1.1	Điện năng (Kwh)	kWh	276.826.487	
2	<i>Than cám (Tấn)</i>	<i>Tấn</i>	380.026	
2.1	Than cám 3c.1	Tấn	197.083	Nung Clinker
2.2	Than cám 4a.1	Tấn	181.317	Nung Clinker
2.3	Than cám Úc	Tấn	1.627	Nung Clinker
3	<i>Xăng, dầu</i>	<i>Lít</i>	3.204.861	
3.1	Dầu điezen (lít)	Lít	3.196.142	Khai thác đá
3.2	Xăng ô tô	Lít	8.719	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

STT	Nội dung	ĐVT	Năng lượng tiết kiệm	Số tiền làm lợi (triệu đồng)	Ghi chú
<i>I</i>	<i>Giải pháp TKNL áp dụng</i>			<i>12.143</i>	
1	Tiết kiệm nhiên liệu than trong vận hành công đoạn lò nung.	tấn	2.038	4.528	
2	Tiết kiệm nhiên liệu dầu Diezen trong khai tác đá vôi, sét	lít	122.620	758	
3	Mức tiết kiệm điện sinh hoạt trong Công ty năm 2017 so với định mức giao	kWh	159.949	263	
4	Vận hành các thiết bị tránh bị tránh giờ cao điểm, đồng thời vẫn đạt và vượt công suất thiết kế	%	1,72	6.594	% tiết kiệm điện so với điện sử dụng 268.206.447 kWh là 1,72% tương ứng với điện năng 4,613 triệu kWh.
<i>II</i>	<i>Sáng kiến áp dụng</i>			<i>1.936</i>	
1	Cải tiến hệ thống tấm lót, vách ngăn máy nghiền tại Chi Nhánh Quang Trị	kWh	1.095.556	1.683	Số tiền làm lợi bao gồm tiền điện, tiền tăng năng suất máy nghiền xi măng
2	Đầu nối đường nước hồi lưu Lò 3.	kWh	168.960	253	
<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>				<b>14.079</b>	

Giải pháp TKNL áp dụng	Loại nhiên liệu	Mục đích của giải pháp	Kết quả	Ghi chú
Tăng cường quá trình quản lý, kiểm soát vận hành công đoạn lò nung.	Than cám	Tiết kiệm nhiên liệu than.	Mức tiết kiệm NL: 5 kcal/kg Clinker Tương đương với 2.038 tấn than 3c HG (nhiệt trị than 3c trung bình năm 2016 là 6.856 kcal/kg than) Tiết kiệm chi phí 4.528 (Tr. đồng)	Định mức giao: 835 kcal/kg clinker Thực hiện 2017: 829,97 kcal/kg clinker
Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện (sản xuất đá vôi, vận chuyển đá 2017: 2.306.102,7 tấn).	Diezen	Giao định mức, giám sát và điều hành hợp lý đối với phương tiện vận chuyển. Tiết kiệm nhiên liệu	Mức tiết kiệm NL: 0,0085lít/tấn đá vôi Mức tiết kiệm 19.535,3 lít Tiết kiệm chi phí 249,976(Tr. đồng)/năm	Định mức giao 0,45 lít/tấn đá vôi. Thực hiện năm 2017: 0,442 lít/tấn.
Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện (sản xuất sét, vận chuyển sét 2017: 813.750,0 tấn)	Diezen	Giao định mức, giám sát và điều hành hợp lý đối với phương tiện vận chuyển. Tiết kiệm nhiên liệu	Mức tiết kiệm NL: 0,049 lít/tấn sét Mức tiết kiệm 39.752 lít Tiết kiệm chi phí 508,65 (Tr. đồng/năm)	Định mức giao 0,461 lít/tấn sét. Thực hiện năm 2017: 0,412 lít/tấn.
Vận hành các thiết bị tránh giờ cao điểm, đồng thời vẫn đạt và vượt công suất thiết kế	kWh	Tiết kiệm chi phí trong sản xuất, giảm giá thành sản phẩm	Mức tiết kiệm NL: kWh Mức tiết kiệm NL: 1,72 (%) Tiết kiệm chi phí 6.594 (Tr. đồng)/năm	Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện.
Tăng cường giáo dục, tuyên truyền	kWh	Tiết kiệm chi phí trong	Mức tiết kiệm NL: 159.949 kWh	Thực hiện khẩu hiệu

<p>phổ biến thông tin, vận động cộng đồng nâng cao nhận thức, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Mức tiết kiệm điện sinh hoạt trong Công ty năm 2017 so với định mức giao</p>		<p>sản xuất, giảm giá thành sản phẩm</p>	<p>Mức tiết kiệm NL: 8,6(%) Tiết kiệm chi phí : 263 (Tr. đồng)/năm</p>	<p>“Tất” khi không có nhu cầu sử dụng.</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------

STT	Tên SK	Mã số	Tình trạng trước khi thực hiện SK	Tình trạng sau khi thực hiện	Thời gian và phạm vi áp dụng	Tiền làm lợi tính được (tr.đ/năm)
1	Cải tiến hệ thống tấm lót, vách ngăn máy nghiền tại Chi Nhánh Quảng Trị	57-17	<p>Hệ thống máy nghiền bi CNQT nhà thầu Trung Quốc thiết kế, chế tạo và đưa vào sử dụng từ 2010. Trong quá trình sử dụng cho thấy hiệu quả sản xuất chưa cao (Kết quả pha phụ gia thấp: Sản phẩm xi măng PCB40 đạt ~ 12÷ 14 %, PCB30 đạt ~ 35÷ 38%), nguyên nhân chính là do hệ thống máy nghiền thiết kế đã lỗi thời, được thiết kế cho sản xuất các sản phẩm có độ mịn theo blaine ~ 3.200 cm2/g</p> <p>- Tấm lót ngăn 1: Bị mòn nhiều, góc nâng chỉ 40-45 mm không hiệu quả cho việc nâng bi ngăn 1 từ <math>\Phi</math> 60 ÷ 90 mm. Thuộc dạng "Steps laine" thế hệ 1 có hiệu quả nâng bi không cao.</p> <p>- Vách ngăn giữa: Tấm lưới trung tâm thiết kế không hợp lý, các khe thoát liệu quá lớn, liệu có kích thước lớn dễ dàng thoát qua khoang 2 làm rối quá trình nghiền ở khoang này, và tăng hồi lưu và</p>	<p>Tình trạng sau khi thực hiện</p> <p>Giải pháp: Thay thế toàn bộ tấm lót thân ngăn 1, vách ngăn trung tâm, tấm lót thân ngăn 2, các vành chặn trong ngăn 2.</p> <p>1. Tấm lót Phòng đầu vào: Sử dụng tương tự tấm lót phòng hiện tại của chi nhánh, tuy nhiên vật liệu chế tạo đổi từ High Mangan sang loại vật liệu High Crôm đảm bảo tăng tuổi thọ cho tấm lót.</p> <p>2. Tấm lót ngăn 1: Thay bằng tấm lót dạng Step line with Structure. Đây là dạng có lượn sóng do Magouto (Bi) chế tạo, hiện nay đã được áp dụng cho máy nghiền số 4 của Công ty</p> <p>4. Vách ngăn trung tâm: Sử dụng vách ngăn có kiểm soát dòng liệu và kích cỡ hạt liệu tối ưu trước khi qua khoang 2 (Level Control Diaphragm).</p> <p>5. Tấm lót ngăn 2: Thay toàn bộ phần tấm lót và các vành chặn bên trong ngăn 2 sang dạng tấm lót phân loại,</p>	25/10/2017	10.291

		giảm năng suất máy nghiền. - Không có hiện tượng sọc bi ở khoang 2, tất cả bi lớn đều nằm cuối khoang và vì nhỏ nằm ở đầu khoang gần vách ngăn giữa	xóc bi theo kiểu Clasifying. * Toàn bộ vật liệu được làm bằng hợp kim Hi crom Kết quả: - Năng suất máy nghiền tăng 0,9t/h đối với PCB30 và 2,47 t/h đối với PCB40CN. - Tiêu hao điện năng trung bình giảm 4,74 kWh/T xi măng với sản lượng trung bình năm 231.130 tấn/năm thì mỗi năm tiết kiệm điện là 1.095.556 kWh/năm		
2	Đầu nói đường nước hồi lưu Lò 3.	Hệ thống thoát nước Khu vực Lò 3 (Nghiền than; lọc lò; máy lạnh...) sau khi làm mát xong được chảy vào bể chứa sau đó được bơm hồi lưu đẩy về bể chứa 8.000m <sup>3</sup> và về CT55 cấp nước để bơm tuần hoàn đi làm mát, nhược điểm: - Gây tốn kém vì 2 máy bơm phải chạy liên tục (tiêu tốn 22kWh/h), cần nhân công trông coi, nếu xảy ra sự cố thì nước sẽ chảy ra ngoài gây thất thoát và mất vệ sinh khu vực... - Tiền vật tư và công sửa chữa hệ thống: động cơ, máy bơm, van khoá, phốt chấn, bi ...	Giai pháp: - Gia công đoạn ống, hàn nối trực tiếp các hộ tiêu thụ vào ống đẩy của bơm.hồi lưu; - Hàn, bịt mặt bích các đường chảy vào bể chứa, đầu đẩy bơm; - Gia công van khóa cho các nhánh về, sau đó mở nước chảy trực tiếp về bể chứa nước không qua bơm. Kết quả: - Không cần trạm bơm, tiết kiệm nhân công vận hành máy - Tiết kiệm chi phí điện năng do không phải vận hành bơm là 168.960kWh/năm tương ứng với số tiền 253.355.520 đồng/năm.	10/04/2017	319



6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Công ty khai thác và sử dụng nước từ các giếng khoan hiện có. Lượng nước khai thác và sử dụng năm 2017 là 1.153.275 m<sup>3</sup>.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động (lao động bình quân năm 2017): 1.652 người

Mức lương bình quân: 9,8 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN cho 100% người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 88h/người/năm

Trong đó:

+ Số giờ đào tạo trung bình cho cán bộ quản lý: 70h/ng/năm

+ Số giờ đào tạo trung bình cho chuyên viên, KTV: 90h/ng/năm

+ Số giờ đào tạo trung bình cho CNKT: 102h/ng/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp, bao gồm:

+ Các khóa huấn luyện An toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Các chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho chuyên viên, kỹ sư, kỹ thuật viên.

+ Các chương trình đào tạo lại cho CNKT

+ Các chương trình đào tạo dành cho cán bộ nguồn

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Năm 2017 Công ty nhận phụng dưỡng thêm 02 Mẹ VNAH tại tỉnh Quảng Trị. Như vậy, hiện nay số mẹ còn sống được phụng dưỡng là 15 Mẹ VNAH và 15 thân nhân liệt sỹ. Tổng chi phụng dưỡng năm 2016: 380 triệu đồng

Vận động CB-CNLD ủng hộ bằng tiền lương để tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn, đáp nghĩa, tương thân tương ái, quỹ vì người nghèo, quỹ chất độc da cam, quỹ khuyến học, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt miền Trung...và các hoạt động từ thiện khác. Năm 2017 tổng ủng hộ các quỹ từ thiện nhân đạo là hơn 5 tỷ đồng và 450 tấn xi măng.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và ngành xi măng nói riêng, mặc dù Công ty đã nỗ lực vượt bậc, đặc biệt là những tháng cuối năm, nhưng do những khó khăn quá lớn từ thị trường, môi trường, sự cố bất khả kháng của thiết bị dây chuyền, chính sách thuế...nên Công ty không đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2017 đã đề ra. Cụ thể:

Tổng tiêu thụ năm 2017: 4.068.766 (tấn)

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2017	TH 2016	% So sánh với	
				KH 2017	TH 2016
<b>Tổng tiêu thụ</b>	<b>4.068.766</b>	<b>4.690.000</b>	<b>4.484.730</b>	<b>87%</b>	<b>91%</b>
Xi măng	3.208.142	4.090.000	3.888.324	78%	83%
Clinker bán	860.624	600.000	596.406	143%	144%

Kết quả hoạt động sản xuất (tấn)

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2017	TH 2016	% So sánh với	
				KH 2017	TH 2016
<b>Clinker sản xuất</b>	<b>2.794.926</b>	<b>2.980.000</b>	<b>2.978.489</b>	<b>94%</b>	<b>94%</b>
Lò 2	996.575	1.190.000	1.246.665	84%	80%
Lò 3	1.798.351	1.790.000	1.731.824	100%	104%
<b>XM bột tại NM</b>	<b>2.533.941</b>	<b>2.765.000</b>	<b>3.016.227</b>	<b>92%</b>	<b>84%</b>
<b>XM bột tại CN Q.Trị</b>	<b>231.398</b>	<b>250.000</b>	<b>214.157</b>	<b>93%</b>	<b>108%</b>

#### 2. Tình hình tài chính

Năm 2017 xuất phát từ những khó khăn về thị trường, môi trường, sự cố của thiết bị dây chuyền, chính sách thuế... , sản lượng sản xuất giảm, giá thành tăng, sản lượng tiêu thụ giảm 9% so với năm 2016 làm cho doanh thu giảm tới 19%, do đó lợi nhuận năm 2017 thực hiện thấp không đạt mục tiêu, dẫn đến các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động của công ty thấp hơn năm 2016.

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Phối hợp với tư vấn E&Y hoàn thiện ma trận chức năng các đơn vị và cơ cấu tổ chức Công ty.

- Tổ chức công tác sửa chữa theo mô hình sửa chữa tập trung: Tổ chức công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tập trung đầu mối là Xưởng Sửa chữa; Chuyển Chức năng nhiệm vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị & đội ngũ lao động sửa chữa từ các phân Xưởng sản xuất chính về Xưởng Sửa chữa; Điều chỉnh Chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc Công ty theo mô hình sửa chữa tập trung và ban hành tạm thời bộ quy trình.

- Xã hội hóa công tác bảo vệ và nấu ăn của Phòng Hành chính quản trị.
- Công ty sau tái cấu trúc thực hiện bổ nhiệm mới 2 cán bộ: 01 Phó Tổng giám đốc, 1 Giám đốc Ban QLDA.
- Thực hiện quy hoạch cán bộ thuộc diện Tổng Công ty quản lý và Công ty quản lý giai đoạn 2016-2021.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2018 Công ty đặt ra các mục tiêu phấn đấu ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

Clinker sản xuất:	2.980.000	Tấn
Tiêu thụ sản phẩm:	4.000.000	Tấn
Trong đó: Xi măng:	3.300.000	Tấn
Clinker:	700.000	Tấn
Doanh thu thuần:	3.405	Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	118,104	Tỷ đồng
Dự kiến mức cổ tức:		

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

#### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017 đang có sự chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP ước đạt tăng 6,7%; Chỉ số giá tiêu dùng CPI năm 2017 tăng 4% so với bình quân cùng kỳ năm 2016; Vốn đầu tư toàn xã hội ước bằng 31,5% GDP; Giải ngân vốn FDI năm 2017 khoảng 13 - 14 tỷ USD; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6- 7%.

Nhu cầu tiêu thụ xi măng năm 2017 tăng trưởng thấp và không tăng như dự báo, đặc biệt nhu cầu xi măng thị trường dân dụng giảm.

Nguồn cung xi măng tiếp tục tăng, đặc biệt là khu vực Miền Trung, áp lực tồn kho lớn. Tổng cung xi măng cả nước năm 2017 khoảng 90 triệu tấn, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ khoảng 80 triệu tấn, Xi măng trong nước 62 triệu tấn và xuất khẩu là 18 triệu tấn dư thừa trong nước 10 triệu tấn.

Giá cát, đá xây dựng tăng cao ảnh hưởng đến tiêu thụ xi măng; Người dân gặp khó khăn trong chăn nuôi và trồng trọt; Thiệt hại lớn bởi thiên tai lũ lụt...

Trước hoàn cảnh đó, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt công tác SXKD của Công ty thông qua các chủ trương, giải pháp đồng bộ bằng những Nghị quyết cụ thể, linh hoạt đáp ứng được sự phát triển của Công ty.

#### Về tình hình sản xuất

Tăng cường công tác tuần tra thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa.

Kiểm soát chất lượng sửa chữa, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, tránh tình trạng dừng vật nhiều. Giao các chỉ số OEE từng công đoạn cho các đơn vị kiểm soát, trường hợp không đạt được mục tiêu phải có giải trình cụ thể để tìm ra nguyên nhân và hướng khắc phục.

#### *Về tình hình đầu tư*

Bám sát tiến độ dự án chuyển đổi công nghệ nghiền xi măng sang đóng bao.

Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục liên quan trong việc đầu tư dự án tận dụng nhiệt thừa để phát điện.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

- Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo nghị quyết các cuộc họp.

- Năm 2017, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Bim sơn. Bám sát kế hoạch ngân sách của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên gặp nhiều những khó khăn khách quan bất khả kháng như đã nêu trên nên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 không đảm bảo được mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2018 dự báo tổng cung cả nước khoảng 98,56 triệu tấn. Trong khi đó nhu cầu xi măng tăng khoảng 4-6%, tương ứng khoảng 83-85 triệu tấn (trong nước khoảng 66-67 triệu tấn)

Năm 2018, khu vực từ Thanh Hóa vào Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục cuộc đua khốc liệt về tranh giành thị phần, giá tiêu thụ xi măng giữa các nhà sản xuất.

Mặt khác việc xuất khẩu xi măng của các doanh nghiệp trong nước đang gặp rất nhiều khó khăn do sự cạnh tranh mạnh mẽ về giá.

Từ những thách thức nêu trên, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo để thực hiện một số mục tiêu như sau:

Clinker sản xuất	2.980.000	Tấn
Tiêu thụ sản phẩm	4.000.000	Tấn
Trong đó: Xi măng	3.300.000	Tấn
Clinker:	700.000	Tấn
Doanh thu thuần:	3.405	Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	118,104	Tỷ đồng

## **V. Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị:**

a) Thành phần HĐQT:

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
Bùi Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 23/8/2017)	40.020.000	40.020.000	
Trần Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/8/2017)			
Ngô Sỹ Túc	TV.HĐQT - Tổng Giám đốc	13.450.575	13.450.000	575
Vũ Văn Hoan	TV.HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	13.432.420	12.420.000	12.420
Nguyễn Thế Lập	TV.HĐQT	11.390.000	11.390.000	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Để triển khai triệt để và có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Hội đồng quản trị đã tiến hành họp theo định kỳ và ban hành các Nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 8 cuộc họp theo định kỳ và ban hành 9 Nghị quyết, như sau:

- Nghị quyết số 0462/NQ-HĐQT ngày 08/3/2017 về Kết quả SXKD năm 2016, mục tiêu nhiệm vụ 6 tháng 2017

- Nghị quyết số 1598/NQ-HĐQT ngày 13/7/2017 về Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2017, mục tiêu nhiệm vụ quý 3/2017

- Nghị quyết số 1599/NQ-HĐQT ngày 13/7/2017 về Điều chỉnh tổng mức đầu tư và tiến độ Dự án chuyển đổi công nghệ NXM đến Đóng bao.

- Nghị quyết số 1970/NQ-HĐQT ngày 23/8/2017 về Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Nghị quyết số 1971/NQ-HĐQT ngày 23/8/2017 về Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Nghị quyết số 2168/NQ-HĐQT ngày 18/9/2017 về Phiên họp Hội đồng quản trị Công ty mở rộng.

- Nghị quyết số 2265/NQ-HĐQT ngày 28/9/2017 về Thực hiện nhiệm vụ và triển khai công việc phục vụ SXKD.

- Nghị quyết số 2234/NQ-HĐQT ngày 05/10/2017 Về công tác cán bộ - Luân chuyển à giao nhiệm vụ.

- Nghị quyết số 3014/NQ-HĐQT ngày 19/12/2017 về Về công tác cán bộ - Bổ nhiệm Phó TGĐ.

c) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tên chương trình đào tạo	Thời lượng đào tạo	Đơn vị đào tạo
1	Trần Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT	Từ tự lãnh đạo đến kiến tạo văn hóa doanh nghiệp dưới góc nhìn toán lý và phương đông học	28/6 và 1 buổi trong tháng 7	Tranformedu
2	Bùi Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	Từ tự lãnh đạo đến kiến tạo văn hóa doanh nghiệp dưới góc nhìn toán lý và phương đông học.	28/6 và 1 buổi trong tháng 7	Tranformedu
3	Ngô Sỹ Túc	Tổng Giám đốc	Từ tự lãnh đạo đến kiến tạo văn hóa doanh nghiệp dưới góc nhìn toán lý và phương đông học	28/6 và 1 buổi trong tháng 7	Tranformedu

## 2. Ban kiểm soát:

a) Thành phần Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	3.187.871	3.187.871	
Hà Văn Diên	TV.BKS - PP.KTTC, Ban QLDA	575		575
Nguyễn Đức Sơn	TV.BKS - PP.TCKT	805		805

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chương trình công tác năm 2017, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động như sau:

- Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty; Kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT và việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý và đề xuất một số nội dung trong quá trình soạn thảo và thực hiện các quy chế, nghị quyết của HĐQT và quy định của Công ty.

- Thường xuyên trao đổi, đánh giá kiểm điểm công việc thực hiện qua các buổi họp và thông qua hệ thống thông tin của Công ty.

- Giám sát, tham gia việc triển khai kế hoạch SXKD của Công ty.

- Giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính theo định kỳ hàng quý, 6 tháng và kết thúc năm tài chính 2017.
- Giám sát thực hiện quy chế, quy trình, quy định về mua sắm, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào và thuê ngoài vận chuyển Clinker.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách với người lao động; việc thực hiện các nội quy, quy chế của công ty.
- Giám sát hoạt động bán hàng và công nợ phải thu.
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập về việc soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kết thúc năm tài chính của Công ty.

**4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.**

*a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

Các Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc không là Thành viên Hội đồng quản trị thì hưởng lương, thưởng theo chế độ và quy định của Công ty.

Các Thành viên Hội đồng quản trị và các Thành viên của Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao mỗi tháng trong năm 2017, do Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể là:

*ĐVT: đồng/người/tháng*

TT	Chức danh	Năm 2017
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	4.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000
5	Thư ký công ty	3.000.000

*b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

*c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

*d) Thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ theo các Nghị quyết và văn bản của Hội đồng quản trị trong năm.

**VI. Báo cáo tài chính**

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: 16 - Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3831.5100

Fax: (84.4) 3831.5090

Email:

Website: [www.ey.com.vn](http://www.ey.com.vn)

*1. Ý kiến kiểm toán:*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:*

Toàn văn Báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty (bao gồm: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán) được đăng trên website: [www.ximangbimson.com.vn](http://www.ximangbimson.com.vn)

Bim Sơn, ngày tháng 4 năm 2018

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC** *du*



**Ngô Sỹ Túc**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.255.792.037.189</b>	<b>1.054.009.917.941</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>111.237.434.022</b>	<b>161.716.078.766</b>
111	1. Tiền		87.411.118.687	117.329.776.984
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.826.315.335	44.386.301.782
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>236.552.463.753</b>	<b>276.507.875.348</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	136.227.984.116	134.641.371.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	93.440.226.577	129.446.327.905
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.820.265.912	14.356.188.638
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(1.936.012.852)	(1.936.012.852)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>881.696.255.873</b>	<b>599.501.123.153</b>
141	1. Hàng tồn kho		884.369.926.666	602.174.793.946
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.673.670.793)	(2.673.670.793)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>26.305.883.541</b>	<b>16.284.840.674</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	20.271.387.934	16.284.840.674
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	6.034.495.607	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.453.243.401.740</b>	<b>3.557.032.069.437</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>7</b>	<b>1.885.408.000</b>	<b>1.656.954.700</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		20.997.654.560	20.769.201.260
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(19.112.246.560)	(19.112.246.560)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.153.601.339.067</b>	<b>3.413.950.581.867</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.144.471.822.371	3.405.321.245.867
222	Nguyên giá		6.464.189.559.200	6.533.220.617.045
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.319.717.736.829)	(3.127.899.371.178)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.129.516.696	8.629.336.000
228	Nguyên giá		11.127.649.028	10.578.949.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.998.132.332)	(1.949.613.028)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>216.465.670.444</b>	<b>35.494.412.474</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	216.465.670.444	35.494.412.474
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>46.379.354.049</b>	<b>68.869.988.571</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		116.190.198.618	116.190.198.618
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(69.810.844.569)	(47.320.210.047)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>34.911.630.180</b>	<b>37.060.131.825</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	18.696.456.785	20.844.958.430
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		16.215.173.395	16.215.173.395
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.709.035.438.929</b>	<b>4.611.041.987.378</b>

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.882.268.986.292</b>	<b>2.654.690.636.997</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.539.380.936.303</b>	<b>2.638.996.899.297</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	944.331.376.178	914.026.742.367
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	21.654.771.905	31.455.300.946
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.717.188.310	67.285.790.325
314	4. Phải trả người lao động	15	59.232.602.118	72.514.523.817
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	54.372.894.485	42.757.213.700
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	14.217.381.142	24.422.337.568
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	1.420.257.247.134	1.470.048.032.218
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.873.640.763	2.155.230.571
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	17.723.834.268	14.331.727.785
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>342.888.049.989</b>	<b>15.693.737.700</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	342.888.049.989	15.693.737.700
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.826.766.452.637</b>	<b>1.956.351.350.381</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>1.826.766.452.637</b>	<b>1.956.351.350.381</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		628.211.078.411	440.006.775.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.448.233.173	359.237.434.096
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		36.658.576.917	101.104.592.700
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.789.656.256	258.132.841.396
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.709.035.438.929</b>	<b>4.611.041.987.378</b>

*Th*

*Jo*



Người lập  
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.475.367.196.338	4.282.382.615.235
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.475.367.196.338	4.282.382.615.235
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(3.062.614.494.127)	(3.415.623.737.299)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		412.752.702.211	866.758.877.936
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	265.487.499	13.080.813.971
22	7. Chi phí tài chính	24	(129.477.143.724)	(133.312.447.487)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(74.184.433.767)	(105.751.689.960)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(168.442.529.185)	(264.155.100.415)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(114.927.820.631)	(164.080.089.534)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		170.696.170	318.292.054.471
31	11. Thu nhập khác	26	9.870.919.153	7.226.978.618
32	12. Chi phí khác	26	(1.211.995.141)	(2.478.711.202)
40	13. Lợi nhuận khác	26	8.658.924.012	4.748.267.416
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.829.620.182	323.040.321.887
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(3.851.963.926)	(64.703.480.491)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.977.656.256	258.336.841.396

Người lập  
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân



Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>8.829.620.182</b>	<b>323.040.321.887</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		251.124.068.847	257.066.534.903
03	Các khoản dự phòng		22.490.634.522	24.003.356.526
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.516.498.625 (5.144.359.521)	(5.393.983.846) (757.022.520)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	24	74.184.433.767	105.751.689.960
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>355.000.896.422</b>	<b>703.710.896.910</b>
09	Giảm các khoản phải thu		43.340.795.239	205.267.673.213
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		11.502.794.424	(21.696.467.344)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.481.054.098)	112.629.155.399
12	Tăng chi phí trả trước		(1.838.045.615)	(70.454.806)
14	Tiền lãi vay đã trả		(74.305.949.388)	(107.395.954.054)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(63.916.230.896)	(78.219.650.490)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.254.609.621)	(19.914.825.305)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>234.048.596.467</b>	<b>794.310.373.523</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(429.817.358.596)	(61.220.960.057)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.557.607.000	1.335.909.091
27	Tiền thu lãi tiền gửi		254.976.433	394.745.633
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(423.004.775.163)</b>	<b>(59.490.305.333)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		2.952.777.562.712	2.534.578.783.978
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.704.422.778.110)	(3.254.004.682.186)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(109.877.250.650)	(2.732.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		138.477.533.952	(719.428.630.208)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(50.478.644.744)	15.391.437.982
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		161.716.078.766	146.324.640.784
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	111.237.434.022	161.716.078.766

Người lập  
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân



Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.175.390.068.274</b>	<b>976.416.783.873</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>112.445.561.513</b>	<b>162.262.526.033</b>
111	1. Tiền		88.619.246.178	117.876.224.251
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.826.315.335	44.386.301.782
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>148.610.360.409</b>	<b>191.255.859.699</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	106.554.277.828	104.888.817.369
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	34.101.868.286	69.794.769.314
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	10.900.301.326	18.861.392.114
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2	(2.946.087.031)	(2.289.119.098)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>887.772.653.895</b>	<b>605.911.632.594</b>
141	1. Hàng tồn kho		890.446.324.688	608.585.303.387
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.673.670.793)	(2.673.670.793)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>26.561.492.457</b>	<b>16.986.765.547</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	20.271.387.934	16.765.448.557
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		249.592.303	215.300.377
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	6.040.512.220	6.016.613
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.664.838.493.059</b>	<b>3.764.911.068.446</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>7</b>	<b>1.885.408.000</b>	<b>1.656.954.700</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		20.997.654.560	20.769.201.260
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(19.112.246.560)	(19.112.246.560)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.390.097.896.602</b>	<b>3.666.295.448.650</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.380.968.379.906	3.657.666.112.650
222	Nguyên giá		6.778.384.732.506	6.847.415.790.351
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.397.416.352.600)	(3.189.749.677.701)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.129.516.696	8.629.336.000
228	Nguyên giá		11.127.649.028	10.578.949.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.998.132.332)	(1.949.613.028)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>218.865.737.707</b>	<b>37.894.479.737</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		218.865.737.707	37.894.479.737
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>53.989.450.750</b>	<b>59.064.185.359</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	28.892.991.359	32.302.484.844
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		16.215.173.395	16.215.173.395
269	3. Lợi thế thương mại	13	8.881.285.996	10.546.527.120
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.840.228.561.333</b>	<b>4.741.327.852.319</b>

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.038.648.198.393</b>	<b>2.801.703.304.666</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.652.900.148.404</b>	<b>2.726.020.231.773</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	980.362.257.084	949.930.203.233
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	21.654.771.905	31.376.452.946
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.723.601.650	67.289.964.828
314	4. Phải trả người lao động	17	59.595.730.578	73.344.014.252
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	72.917.451.965	51.370.049.730
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	24.405.055.691	34.917.334.037
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.468.643.804.500	1.501.305.254.391
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.873.640.763	2.155.230.571
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	17.723.834.268	14.331.727.785
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>385.748.049.989</b>	<b>75.683.072.893</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	385.748.049.989	75.683.072.893
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.801.580.362.940</b>	<b>1.939.624.547.653</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.801.580.362.940</b>	<b>1.939.624.547.653</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21.1	1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	57.006.601.053	57.006.601.053
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	628.211.078.411	440.006.775.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	13.301.034.108	332.755.476.155
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		10.176.618.976	76.287.875.887
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.124.415.132	256.467.600.268
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.1	2.961.109.368	9.755.155.213
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.840.228.561.333</b>	<b>4.741.327.852.319</b>

Người lập  
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	3.475.367.196.338	4.280.229.611.463
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	3.475.367.196.338	4.280.229.611.463
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(3.062.683.250.276)	(3.417.723.237.173)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		412.683.946.062	862.506.374.290
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	266.783.001	13.209.619.491
22	7. Chi phí tài chính	25	(117.018.230.652)	(117.562.755.696)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(84.216.155.217)	(114.005.354.695)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(168.442.529.185)	(264.155.100.415)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(119.062.275.246)	(172.871.638.308)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.427.693.980	321.126.499.362
31	11. Thu nhập khác	27	10.300.442.109	7.852.928.618
32	12. Chi phí khác	27	(18.357.802.876)	(14.855.361.171)
40	13. Lỗ khác	27	(8.057.360.767)	(7.002.432.553)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		370.333.213	314.124.066.809
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(3.851.963.926)	(64.703.480.491)
60	16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(3.481.630.713)	249.420.586.318
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.312.415.132	256.671.600.268
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	(6.794.045.845)	(7.251.013.950)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	30	2.112
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	30	2.112

*Phạm Thị Thu Hương*

*Lê Huy Quân*



Người lập  
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>370.333.213</b>	<b>314.124.066.809</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và phân bổ lợi thế thương mại		268.637.619.219	274.879.400.644
03	Các khoản dự phòng		656.967.933	121.087.173
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.516.498.625	(5.393.983.846)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.145.655.023)	(885.828.040)
06	Chi phí lãi vay	25	84.216.155.217	114.005.354.695
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>352.251.919.184</b>	<b>696.850.097.435</b>
09	Giảm các khoản phải thu		45.339.623.075	209.181.053.890
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		11.836.905.843	(20.252.861.647)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(16.146.231.116)	106.631.041.082
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(96.445.892)	5.590.193.722
14	Tiền lãi vay đã trả		(74.305.949.388)	(110.810.867.864)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(63.916.230.896)	(78.219.650.490)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.254.609.621)	(17.609.535.067)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>234.708.981.189</b>	<b>791.359.471.061</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(429.817.358.596)	(61.681.311.875)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.557.607.000	1.335.909.091
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng		256.271.935	523.551.153
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(423.003.479.661)</b>	<b>(59.821.851.631)</b>

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		2.952.777.562.712	2.534.578.783.978
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.704.422.778.110)	(3.261.884.682.186)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(109.877.250.650)	(2.732.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		138.477.533.952	(727.308.630.208)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(49.816.964.520)	4.228.989.222
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		162.262.526.033	158.033.536.811
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	112.445.561.513	162.262.526.033

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



Người lập  
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng  
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc  
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018